

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 15 - 9 - 2023

V/v "Ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Sầm Thị Tươi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Hải Châu

2. Bà Lê Thị Luy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Hồng Luận - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2023 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2023/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Giàng Seo G, năm sinh 1970

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn L, xã S1, huyện S, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Chị Giàng Thị T, năm sinh 1971

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn L, xã S1, huyện S, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

3. Người phiên dịch: Chị Lù Thị A, năm sinh 1991

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn I, xã N1, huyện S, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại đơn khởi kiện đề ngày 26 tháng 4 năm 2023; biên bản lấy lời khai ngày 27 tháng 4 năm 2023; đơn đề nghị ngày 21 tháng 8 năm 2023; quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Giàng Seo G trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Giàng Seo G và chị Giàng Thị T tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2002, không đăng ký kết hôn. Đến nay anh chị vẫn chưa đăng ký kết hôn với nhau theo quy định của pháp luật. Chung sống với nhau, anh chị đã có 02 con chung, đến năm 2018 thì phát sinh mâu

thuần. Nguyên nhân do vợ chồng không cùng quan điểm trong cuộc sống và làm ăn kinh tế nên sống không hạnh phúc, vợ chồng đánh cãi chửi nhau thường xuyên. Đến cuối năm 2018 thì anh chị sống ly thân đến nay, không quan tâm gì đến nhau nữa. Nay anh G nhận thấy anh và chị T không còn tình cảm gì với nhau, không yêu thương gì nhau nữa nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Giàng Thị T.

- Về con chung: Quá trình chung sống anh G và chị T có 02 người con chung là cháu Giàng Thị X, sinh ngày 01/7/2003 và cháu Giàng Seo H, sinh ngày 11/8/2005. Nay cháu Xua, cháu Hồng đều đã trên 18 tuổi, các cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường nên anh G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ tài sản; quyền, nghĩa vụ tài sản: Anh G không yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ tài sản; quyền, nghĩa vụ tài sản.

Kèm theo đơn khởi kiện nguyên đơn đã giao nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ và hợp pháp.

2. Đối với bị đơn chị Giàng Thị T: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho chị T nhưng chị T không có văn bản trả lời ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của anh G; mặc dù Tòa án đã triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng chị T đều vắng mặt tại Tòa án không có lý do.

3. Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm:

Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền thụ lý đúng quy định các Điều 28, 35, 39; xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68; xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận, tiếp cận, công khai chứng cứ đúng quy định tại các Điều 93 đến Điều 97. Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196. Thời hạn chuẩn bị xét xử thực hiện đúng quy định tại Điều 203, 233. Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1,3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xét xử theo hướng:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Giàng Seo G và chị Giàng Thị T.

- Về nuôi con khi ly hôn: Không đề cập giải quyết.

- Về tài sản chung: Không đề cập giải quyết.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Tuyên án phí và quyền kháng cáo theo quy định Pháp luật.

Những yêu cầu, kiến nghị khắc phục vi phạm: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phân tích, đánh giá, nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Giàng Seo G yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án “Ly hôn” với chị Giàng Thị T có địa chỉ nơi cư trú: Thôn L, xã S1, huyện S, tỉnh Lào Cai. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện S. Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1,3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Giàng Seo G và chị Giàng Thị T tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2002, không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật; đến nay mặc dù đã đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng anh chị vẫn không đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền là vi phạm khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Nay anh G yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T là không có căn cứ nên không được chấp nhận mà Hội đồng xét xử cần áp dụng khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh G và chị T là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

Về con chung: Quá trình chung sống anh G và chị T có 02 người con chung là cháu Giàng Thị X, sinh ngày 01/7/2003 và cháu Giàng Seo H, sinh ngày 11/8/2005. Nay cháu Xua, cháu Hồng đã lớn trên 18 tuổi, các cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường nên anh G không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng không xem xét giải quyết là phù hợp.

[3] Về quan hệ tài sản; quyền, nghĩa vụ tài sản: Anh Giàng Seo G không yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ tài sản; quyền, nghĩa vụ tài sản nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí sơ thẩm: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh G đã nộp đơn đề nghị Tòa án miễn nộp toàn bộ tiền tạm ứng án phí, án phí hôn nhân gia đình và cung cấp văn bản xác nhận anh G là cá nhân thuộc hộ nghèo. Xét đề nghị của anh G là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1,3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 1,5,6 Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Giàng Seo G và chị Giàng Thị T

2. Về án phí sơ thẩm: Anh Giàng Seo G được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện S (2);
- CCTHADS huyện S;
- UBND xã S1,
huyện S, tỉnh Lào Cai ;
- Lưu: HS, THS (3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Sầm Thị Tươi

